

Số: /BC-THPTTPK Tân Uyên, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông Tân Phước Khánh

**2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)**

Địa chỉ: Đường Lý Tự Trọng, khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.365.9438; 0274.365.9617.

Website: <https://thpttanphuockhanh.edu.vn>

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu**

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương.

#### 4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

##### **Sứ mệnh**

Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng nhân văn, đội ngũ tâm sâu, giàu đức, sức trụ, đủ tài để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, tiềm lực của mình; giúp cho học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn vốn có của chính mình, với một văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc, với cách giao tiếp, truyền đạt mới mẻ là thành phần tiên phong cho sự nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

##### **Tầm nhìn**

Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên cao; là nơi học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên, học sinh luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

### ***Hệ thống giá trị cơ bản***

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

### ***Mục tiêu chung***

Xây dựng thương hiệu nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Trường THPT Tân Phước Khánh thành lập từ năm 1966.
- Từ năm 1966 đến năm tháng 4/1975, trường có tên là trung học Châu Thành.
- Từ tháng 5/1975 đến năm 1996, trường có tên là trường phổ thông trung học Tân Uyên 2.
- Năm 1997, trường PTTH Tân Uyên 2 được UBND tỉnh Bình Dương đổi tên thành trường THPT Tân Phước Khánh.
- Từ năm 1997 đến nay, trường có tên là THPT Tân Phước Khánh.

Từ khi được thành lập năm 1966. Khi đó, quy mô trường chỉ có 2 lớp, thiếu thốn về vật chất, chịu ảnh hưởng khói lửa chiến tranh, nhưng cũng thấm đượm tình thầy trò với những kỷ niệm thân quen của một thời cấp sách tới trường. Qua hơn 58 năm phát triển với những dấu ấn và cột mốc lịch sử quan trọng, đến nay, trường có 33 lớp học với 1318 học sinh, Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Từ mái trường này, nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành, nhiều cựu học sinh bây giờ đã rất thành danh: là cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, thị TP, địa phương; là doanh nhân, quân nhân, là kỹ sư, bác sĩ; là những công dân có những đóng góp, công hiến tích cực cho xã hội.

Trong nhiều năm trở lại đây, nhà trường luôn là địa chỉ giáo dục đáng tin cậy của các bậc phụ huynh, của nhân dân và được sự tin tưởng lãnh đạo các cấp.

Trường đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba vào năm 2005; được Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh tặng Bằng khen nhiều năm liền.

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ**

Người đại diện pháp luật: Phạm Trọng Sang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Tân Phước Khánh, Bình Dương

Số điện thoại: 0909.327.439

Email: sangpt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn

### **7. Tổ chức bộ máy**

*a) Quyết định thành lập trường*

- Từ năm 1966 đến năm tháng 4/1975, trường có tên là trung học Châu Thành.
- Từ tháng 5/1975 đến năm 1996, trường có tên là trường phổ thông trung học Tân Uyên 2.

- Năm 1997, trường PTTH Tân Uyên 2 được UBND tỉnh Sông Bé đổi tên thành trường THPT Tân Phước Khánh theo Quyết định số 243/QĐ-UB ngày 25/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.

*b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường*

- Quyết định số 1751/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Tân Phước Khánh nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 1752/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT Tân Phước Khánh nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	Ông: Phạm Trọng Sang	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Bà: Lê Thị Hương	Thư ký Hội đồng	Thư ký
03	Bà: Nguyễn Thị Bích Nhuận	CUV, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
04	Ông: Thân Tuấn Anh	CUV, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
05	Ông Nguyễn Minh Thái	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
06	Bà: Bùi Thị Kiều Oanh	CUV, Chủ tịch CĐCS	Thành viên
07	Ông: Đinh Thế Anh	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên
08	Bà: Nguyễn Huỳnh Ngọc Xuân	TT tổ Toán	Thành viên
09	Ông: Phan Ánh Huy	Tổ trưởng tổ Vật lý	Thành viên
10	Bà: Bùi Thị Thanh Thủy	Tổ trưởng Hóa-Sinh-CNNN	Thành viên
11	Bà: Nguyễn Thị Hồng Uyên	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Thành viên
12	Bà: Bùi Thị Yến Nhi	Tổ trưởng Tin học CNCN	Thành viên
13	Bà: Bùi Ngọc Hương	Phó Chủ tịch UBND phường Tân Phước Khánh	Thành viên
14	Ông: Nguyễn Sách	Trưởng Ban Đại diện CMHS	Thành viên
15	HS: Trần Thị Lan Anh	Đại diện học sinh	Thành viên

*c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*

### *Cơ chế hoạt động của trường THPT Tân Phước Khánh*

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

#### *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:*

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm

chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

*Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:*

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 36 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 75 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 700 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 33 chi đoàn thuộc Đoàn trường.

+ Ban đại diện CMHS có 05 thành viên.

+ Có 08 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Trọng Sang	Hiệu trưởng	0909.327.439	<a href="mailto:sangpt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn">sangpt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn</a>
2	Nguyễn Thị Bích Nhuận	Phó Hiệu trưởng	0977.723.403	<a href="mailto:nhuanntb@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn">nhuanntb@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn</a>
3	Thân Tuấn Anh	Phó Hiệu trưởng	0903.819897	<a href="mailto:anhtt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn">anhtt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn</a>

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Đội ngũ nhà giáo	Số lượng	Trình độ		
			Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ
1	Cán bộ quản lý	03		2	1
2	Giáo viên	63		55	8
3	Nhân viên	09	01	5	
<b>Cộng</b>		<b>75</b>	<b>01</b>	<b>62</b>	<b>9</b>

- 100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn, trong đó có 09 CBQL, GV trên chuẩn.

- 100% CBQL, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- 100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
1	Diện tích đất	6.097m <sup>2</sup>	6.097m <sup>2</sup>
2	Diện tích sàn/người học (m <sup>2</sup> )	4,63m <sup>2</sup>	4,89m <sup>2</sup>
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0	0
4	Số đầu sách	1120	1120
5	Số bản sách/người học	4544/1317	4544/1246

#### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Trường THPT Tân Phước Khánh	Đường Lý Tự Trọng, KP Khánh Hội, Phường Tân Phước Khánh, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	6.097	6.097

#### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
<b>Tổng cộng</b>			

### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Trung học phổ thông Tân Phước Khánh, tên viết tắt là: Trường THPT Tân Phước Khánh.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Trường chưa đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Mức độ đạt kiểm định: Trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Lý do chưa đạt: diện tích đất quá nhỏ, các phòng học, phòng bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, ... thiếu và không đạt chuẩn. Do đó tiêu chuẩn về CSVC không đạt.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
<b>10</b>	11	443	11	442	1	0,22	Học kém			1
<b>11</b>	11	418	11	415	1	0,23	Học kém	2		3
<b>12</b>	9	390	9	389	1	0,25	Học kém			1
<b>T.trường</b>	<b>31</b>	<b>1251</b>	<b>31</b>	<b>1246</b>	<b>3</b>	<b>0,23</b>		<b>2</b>		<b>5</b>

### 2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

#### 2.1. Đối với học sinh:

##### a. Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện)

Khối	TSHS	Tốt	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
10	442	441 (99,77%)	1 (0,23%)			
11	415	412 (99,28%)	3 (0,72%)			
12	389	379 (97,43%)	10 (2,57%)			
Toàn trường	1246	1232 (98,88%)	14 (1,12%)			Tốt: Cao hơn 1,08% Không có HS đạt TB

##### b. Học lực (kết quả học tập)

Khối	TSHS	Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
10	442	74 (16,74%)	270 (61,09%)	98 (22,17%)		
11	415	97 (23,37%)	265 (63,86%)	53 (12,77%)		
12	389	72 (18,51%)	283 (72,75%)	34 (8,74%)		
Toàn trường	1246	243 (19,50%)	818 (65,65%)	185 (14,85%)		Không có HS lưu ban

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi	Học sinh tiên tiến
10	6	68	0
11	9	88	0
12	0	72	283
Toàn trường	15	228	283

- Số học sinh lưu ban: 0
- Số học sinh đậu tốt nghiệp THPT năm học 2023-2024: 389/389 (100%)
- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học: 379; số học sinh đậu Đại học: 374 (94,21%):

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	- Đạt 3 giải III (gồm 02 giải môn GDCD và 01 giải môn Sử) - Đạt 10 giải KK (gồm 01 giải môn GDCD, 01 giải môn Hoá, 04 giải môn Sử, 03 giải môn Văn và 01 giải môn Tiếng Anh)	
2	Thi Olympic HSG Ngữ văn giải thưởng Sao Khuê	Đạt 2 giải khuyến khích	
3	Thi Olympic HSG Toán giải thưởng Lương Thế Vinh	Đạt 1 giải III và 1 giải khuyến khích	



STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
4	Thi Olympic KHTN-KHXH	- 02 giải III cá nhân - 04 giải khuyến khích cá nhân - Đạt giải nhì đồng đội	
5	Hội khoẻ Phù đổng	- 01 HCV nhảy cao nam - 01 HCV đẩy tạ nam - 01 HCV đối kháng Taekwondo 63kg nam - 01 HCV Vovinam đơn luyện tay không nam, Ngũ môn quyền - 01 HCV Vovinam đơn luyện vũ khí nam, tứ tượng côn pháp	
6	Thi tìm hiểu luật phòng, chống tác hại của thuốc lá	Giải nhất	

## 2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	20	(Bảo lưu)
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	04	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	03	

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>918</b>
1.1	Học phí	918
1.2	Thu sự nghiệp	-
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>918</b>
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	918
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	

<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>13,891</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>12,837</b>
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	11,352
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	1,485
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	186
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>1,054</b>
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	1,054
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	15

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP  
NĂM 2024 (Đến ngày 17/09/2024)**

ĐVT: đồng

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Dự toán năm trước chuyển sang</b>	<b>27,768,718</b>	
	Trong đó: - Trong khoản	27,768,718	
	- CCTL	-	
	- Ngoài khoản		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)		
<b>I</b>	<b>Dự toán được giao năm 2024</b>	<b>13,891,000,000</b>	
	Trong đó: - Trong khoản	11,352,000,000	
	- CCTL	1,485,000,000	
	- Ngoài khoản	1,054,000,000	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
<b>II</b>	<b>Tổng dự toán điều chỉnh giảm</b>	<b>54,424,800</b>	
	Trong đó: - Trong khoản	1,485,000,000	
	- CCTL	(1,485,000,000)	
	- Ngoài khoản	54,424,800	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Mua sắm		
<b>II</b>	<b>Tổng dự toán được sử dụng năm 2024</b>	<b>13,973,193,518</b>	
	Trong đó: - Trong khoản	12,864,768,718	
	- CCTL	-	
	- Ngoài khoản	1,108,424,800	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	-	

	- Mua sắm	-	
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 01/9/2024</b>	<b>12,150,418,097</b>	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	11,464,779,015	
	- CCTL	-	
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	685,639,082	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm	-	
<b>IV</b>	<b>Tổng kinh phí còn tại KBNN</b>	<b>1,822,775,421</b>	
	Trong đó: - Trong khoán	1,399,989,703	
	- CCTL	-	
	- Ngoài khoán	422,785,718	
	- Sửa chữa	-	
	- Mua sắm	-	

### QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu	-	-	
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác		-	
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>397,109,400</b>		
	Chi lương	232,529,400		
	Chi vật tư văn phòng	-		
	<b>Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở</b>			

	Chi mua báo tạp chí của Đảng	-		
	Chi trợ cấp cấp ủy	14,580,000		
	Chi tiền tết	150,000,000		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	-	-	
<b>6900</b>	<b>Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng</b>	-	-	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	-	-	
7799	Chi các khoản khác		-	
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
	.....			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
	.....			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>12,150,418,097</b>	<b>12,150,418,097</b>	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	<b>Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13</b>	<b>11,464,779,015</b>	<b>11,464,779,015</b>	
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>4,653,741,063</b>	<b>4,653,741,063</b>	
6001	Lương theo ngạch, bậc	4,653,741,063	4,653,741,063	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
<b>6050</b>	<b>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</b>	<b>106,096,000</b>	<b>106,096,000</b>	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	106,096,000	106,096,000	
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>3,580,197,162</b>	<b>3,580,197,162</b>	
6101	Phụ cấp chức vụ	85,617,002	85,617,002	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1,224,435,056	1,224,435,056	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	10,935,000	10,935,000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	2,259,210,104	2,259,210,104	
<b>6250</b>	<b>Phúc lợi tập thể</b>	<b>18,295,000</b>	<b>18,295,000</b>	
6299	Chi khác (tiền nước uống)	18,295,000	18,295,000	
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>2,655,954,745</b>	<b>2,655,954,745</b>	
6301	Bảo hiểm xã hội	1,010,428,494	1,010,428,494	
6302	Bảo hiểm y tế	173,216,315	173,216,315	
6303	Kinh phí công đoàn	115,463,178	115,463,178	

6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1,356,846,758	1,356,846,758	
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho các nhân</b>	<b>91,990,000</b>	<b>91,990,000</b>	
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	-	-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	91,990,000	91,990,000	
<b>6500</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>91,810,755</b>	<b>91,810,755</b>	
6501	Tiền điện	83,267,655	83,267,655	
6502	Tiền nước	2,063,100	2,063,100	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	6,480,000	6,480,000	
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>43,669,523</b>	<b>43,669,523</b>	
6551	Văn phòng phẩm	33,319,316	33,319,316	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	-	-	
6599	Vật tư văn phòng khác	10,350,207	10,350,207	
<b>6600</b>	<b>Thông tin tuyên truyền liên lạc</b>	<b>28,915,303</b>	<b>28,915,303</b>	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	6,518,103	6,518,103	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	22,397,200	22,397,200	
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện	-	-	
6618	Khoản điện thoại	6,300,000	6,300,000	
6649	Khác	-	-	
<b>6700</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>36,965,000</b>	<b>36,965,000</b>	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	5,135,000	5,135,000	
6702	Phụ cấp công tác phí	15,630,000	15,630,000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	-	-	
6704	Khoản công tác phí	16,200,000	16,200,000	
<b>6750</b>	<b>Chi thuê mướn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyên	-	-	
6754	Thuê thiết bị các loại	19,027,864	19,027,864	
6757	Thuê lao động trong nước	73,160,000	73,160,000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-	
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	-	
<b>6900</b>	<b>Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ</b>	<b>67,349,500</b>	<b>67,349,500</b>	

6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	42,279,500	42,279,500	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)	19,075,000	19,075,000	
6916	Máy bơm nước	-	-	
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính	-	-	
6921	Đường điện, cấp thoát nước	3,550,000	3,550,000	
6949	Các tài sản khác	2,445,000	2,445,000	
<b>6950</b>	<b>Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn</b>	-	-	
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>71,596,804</b>	<b>71,596,804</b>	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	20,284,204	20,284,204	
7004	Chi trang phục, đồng phục	-	-	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	51,312,600	51,312,600	
<b>7000</b>	<b>Mua sắm tài sản vô hình</b>	-	-	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	-	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>18,198,160</b>	<b>18,198,160</b>	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	5,084,200	5,084,200	
7758	Chi hỗ trợ khác	-	-	
7761	Chi tiếp khách	13,113,960	13,113,960	
7764	Chi khen thưởng	-	-	
7799	Chi khác	-	-	
<b>7950</b>	<b>Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu</b>	-	-	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	-	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	-	-	

7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	-	-	
<b>7850</b>	<b>Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở</b>	-	-	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	<b>Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL</b>	-	-	
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	-	-	
6001	Lương theo ngạch bậc	-	-	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	-	-	
6101	Phụ cấp chức vụ	-	-	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	-	-	
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho các nhân</b>			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HC)			
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	-	-	
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	
6302	Bảo hiểm y tế	-	-	
6303	Kinh phí công đoàn	-	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	
	<b>Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12</b>	<b>685,639,082</b>	<b>685,639,082</b>	
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	-	-	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	-	-	



<b>6150</b>	<b>Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học</b>	-	-	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	-	
<b>6449</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho các nhân</b>	<b>327,566,382</b>	<b>327,566,382</b>	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp chế độ thạc sĩ, 30% GV không đứng lớp, bảo vệ phục vụ, y tế, thư viện)	327,566,382	327,566,382	
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	-	-	
6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	
<b>6750</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>80,300,000</b>	<b>80,300,000</b>	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	80,300,000	80,300,000	
<b>6950</b>	<b>Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn</b>			
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin			
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>277,772,700</b>	<b>277,772,700</b>	
7004	Đồng phục, trang phục	-	-	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	277,772,700	277,772,700	
<b>7850</b>	<b>Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở</b>	-	-	
7851	Chi mua báo tạp chí của Đảng	-	-	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2,150,418,097</b>	<b>12,150,418,097</b>	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ**  
**NĂM 2024 (Đến ngày 17/9/2024)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)</b>	<b>438,938,100</b>	
		438,938,100	
<b>II</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>719,400,000</b>	
	- Thu học phí:	719,400,000	
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí sử dụng</b>	<b>1,158,338,100</b>	

<b>III</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>737,034,139</b>	
<b>1.</b>	Chi lương	352,688,796	
<b>2.</b>	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
<b>3.</b>	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/2021	-	
<b>4.</b>	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	-	
<b>5.</b>	Chi trợ cấp cấp ủy	14,580,000	
<b>6.</b>	Chi tiền tết 2024	150,000,000	
<b>7.</b>	Chi tiền điện	14,765,343	
<b>8.</b>	Chi tiền sửa chữa bàn ghế	5,000,000	
<b>9.</b>	Chi trích lập quỹ năm 2024	200,000,000	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 17/9/2024 (Tồn tại KBNN)</b>	<b>421,303,961</b>	

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024  
(HỌC PHÍ)**

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số liệu báo cáo quyết toán</b>	<b>Số liệu quyết toán được duyệt</b>
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu		
1	Số thu phí, lệ phí		
<b>1.1</b>	<b>Học phí</b>	<b>352,688,796</b>	
	<b>Lương</b>	<b>207,177,822</b>	
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	207,177,822	
6003	Lương hợp đồng dài hạn	-	
	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>64,417,350</b>	
6101	Phụ cấp chức vụ	5,267,970	
6107	Phụ cấp độc hại	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi	51,999,120	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	6,084,000	
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	1,066,260	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	
	<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>	<b>-</b>	

6449	Phụ cấp khác	-	
	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>81,093,624</b>	
	Các khoản đóng góp theo lương	<b>25,045,548</b>	
6301	Bảo hiểm xã hội	41,747,580	
6302	Bảo hiểm y tế	7,156,728	
6303	Kinh phí công đoàn	4,758,192	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2,385,576	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>352,688,796</b>	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu sự nghiệp khác		
B	Chi từ nguồn thu được để lại		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
1.1	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
1.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
<b>b</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
C	Số thu nộp NSNN		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>		
1	Chi quản lý hành chính		

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	<b>HỌC PHÍ</b>	<b>367,268,796</b>	
<b>6000</b>	<b>Lương</b>	<b>352,688,796</b>	
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	352,688,796	
6003	Lương hợp đồng dài hạn		
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	-	
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp độc hại		
6112	Phụ cấp ưu đãi		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề, Phụ cấp thâm niên vượt khung		
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>		
6449	Phụ cấp khác		
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	-	

6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
	<b>Phúc lợi tập thể</b>		-
6257	Chi tiền nước uống giáo viên		
	<b>Chi thanh toán dịch vụ công cộng</b>		<b>14,765,343</b>
6501	Chi tiền điện	14,765,343	
	<b>Văn phòng phẩm</b>		-
6552	Mua máy nóng lạnh		
6552	Loa kéo di động		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, giấy vệ sinh		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, nước rửa tây, nước lau sàn, túi rác		
6599	chi mua chổi, thùng đựng rác, bàn chải		
6599	Vật tư văn phòng khác		-
	<b>Chi thuê mướn</b>		-
6799	chi thuê làm băng rol lễ sơ kết HKI, băng rol chúc mừng năm mới		
6799	chi thuê làm băng rol		
	<b>Chi sửa chữa</b>		-
6912	Chi sửa máy vi tính		
6913	chuyển trả tiền sửa máy photo		
6917	Chuyển trả tiền nâng cấp phần mềm kế toán HCSN MISA Mimosa.NET 2019, bảo trì phần mềm QLTS		
	<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn</b>		<b>5,000,000</b>
7001	Chi mua đồng hồ đo điện cho phòng thực hành môn Lý		

7049	Chi khác (sửa chữa bàn ghế hs)	5,000,000	
	<b>Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở</b>	<b>14,580,000</b>	
	Chi mua báo tạp chí của Đảng	-	
	Chi cấp ủy	14,580,000	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>150,000,000</b>	
	Chi khác (tiền tết)	150,000,000	
<b>7950</b>	<b>Chi trích lập các quỹ</b>	<b>200,000,000</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>737,034,139</b>	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT**  
**NĂM 2024 (đến ngày 17/9/2024)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ - cuối năm 2023 chuyển sang</b>	<b>2,331,852</b>	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước	2,331,852	
<b>II</b>	<b>Tổng thu:</b>	<b>616,941,000</b>	
1	Thu tiền buổi 2 HKI Nh 2023-2024	356,616,000	
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 2023-2024	260,325,000	
<b>III</b>	<b>Tổng chi:</b>	<b>557,834,239</b>	
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 2023-2024	7,132,320	
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI Nh 2023-2024	279,547,200	
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI Nh 2023-2024	24,463,858	
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI Nh 2023-2024	10,484,511	
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH 2023-2024	5,206,500	
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII Nh 2023-2024	194,670,000	

7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII Nh 2023-2024	17,876,295	
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII Nh 2023-2024	7,653,555	
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn	10,800,000	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 17/9/2024 (Tại KBNN)</b>	<b>61,438,613</b>	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)	61,438,613	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU  
NĂM 2024 (Đến ngày 17/9/2024)**

ĐVT:  
đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN</b>	<b>143,908,627</b>	
<b>II</b>	<b>Tổng thu (BHXH chuyển về)</b>	<b>-</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>4,450,001</b>	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	1,800,001	
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	1,624,000	
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2024-2025	1,026,000	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 17/9/2024 tại KBNN</b>	<b>139,458,626</b>	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI  
NĂM 2024 (Đến ngày 17/9/2024)**

ĐVT:  
đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>TỒN CUỐI NĂM 2023 CHUYỂN SANG</b>	<b>59,358,017</b>	
<b>II</b>	<b>Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2023, ĐẦU NĂM 2024</b>	<b>60,000,000</b>	
<b>III.</b>	<b>Lãi tiền gửi</b>	<b>222,252</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổng số được sử dụng năm 2024</b>	<b>119,580,269</b>	

<b>V</b>	<b>Tổng số chi trong năm 2024</b>	<b>118,109,900</b>	
1	Chi tiền dự họp mặt kỷ niệm 79 năm ngày thành lập QĐND VN tại Tp. Tân Uyên	500,000	
2	Chi tiền đám tang mẹ vợ thầy Danh hiệu trưởng trường THPT Võ Minh Đức	500,000	
3	Chi tiền dự họp mặt kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng (03/021930-03/02/2024)	500,000	
4	Chi tiền dự họp mặt kỷ niệm 69 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955-27/02/2024)	500,000	
5	Chi tiền dự họp mặt kỷ niệm 69 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955-27/02/2024) tại Trạm Y tế P. TPK	500,000	
6	Chi tiền dự giỗ tổ Hùng Vương P. Tân Phước Khánh năm 2024	500,000	
7	Chi tiền họp Hội nghị Tổng kết Khôi thi đua số 2 tại Trường THPT Bến Cát	1,000,000	
8	Chi tiền dự lễ công nhận chuẩn quốc gia tại Trường TH Tân Phước Khánh B	500,000	
9	Chuyển tiền mua trà	1,266,000	
10	Chuyển tiền mua hoa tươi viếng đám tang	7,696,000	
11	Chuyển tiền mua hoa chúc mừng	1,100,000	
12	Chuyển tiền mua quà tết cho gv	30,827,900	
13	Chuyển tiền mua quà tặng gv ngày 8/3	6,500,000	
14	Chuyển tiền mua quà tặng gv về hưu	3,000,000	
15	Chuyển tiền tổ chức tiệc tổng kết cuối năm	20,000,000	
16	Chuyển tiền tham quan nghỉ mát cho gv	41,040,000	
17	Chuyển tiền hỗ trợ gv chuyển công tác	2,000,000	
18	Phí chuyển khoản KBNN	180,000	
<b>VI</b>	<b>TỶN TẠI THỜI ĐIỂM 17/9/2024 tại KBNN</b>	<b>1,470,369</b>	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN 3713 TẠI KHO BẠC  
NĂM 2024 (Đến ngày 17/9/2024)**

ĐVT:  
đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ (cuối năm 2023 chuyển sang) - Tại KBNN</b>	<b>483,282,556</b>	



	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại	143,908,627	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	2,331,852	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	151,750,120	
	- Quỹ khen thưởng	8,685,544	
	- Quỹ phúc lợi	59,358,017	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	82,323,996	
	- Tiền OTTN	-	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	33,434,400	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên	1,490,000	
<b>II</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>2,116,740,820</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>1,977,031,652</b>	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 17/9/2024 (tồn tại KBNN)</b>	<b>622,991,724</b>	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại	139,458,626	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	61,438,613	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	242,493,212	
	- Quỹ khen thưởng	43,294,722	
	- Quỹ phúc lợi	1,470,369	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	72,331,294	
	- Tiền OTTN	30,291,088	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	30,723,800	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên	1,490,000	

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

## **1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả**

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, CSVC, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Cụ thể như sau:

- Lãnh đạo nhà trường đã tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lý, khoa học.

- Đối với các môn học nhà trường thực hiện bố trí thời gian dạy học linh hoạt phù hợp với điều kiện giáo viên và CSVC của nhà trường; sắp xếp thời khóa biểu phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất để mỗi giáo viên hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

### **1.1. Đối với các lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018**

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNHN) theo Chương trình GDPT 2018, giáo viên được phân công đảm nhận nội dung hoạt động nào phải có năng lực chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động đó. Giáo viên được phân công đảm nhận các nội dung hoạt động của chương trình HĐTNHN thực hiện đúng nhiệm vụ của giáo viên thực hiện chương trình HĐTNHN; phân định rõ nhiệm vụ thực hiện chương trình HĐTNHN với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành.

- Đối với môn Lịch sử, thực hiện theo Chương trình GDPT môn Lịch sử ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; sử dụng sách giáo khoa Lịch sử lớp 10 đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt để sử dụng trong các trường THCS, THPT.

- Đối với Nội dung giáo dục địa phương: Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn giáo viên. Xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề/bài học phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan.

- Đối với việc tổ chức dạy học các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp THPT: nhà trường tổ chức riêng các lớp học theo từng môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, linh hoạt bố trí số học sinh theo từng lớp học và xây dựng thời khóa biểu phù hợp để đáp ứng tối đa nguyện vọng của học sinh. Đẩy mạnh tổ chức tư vấn và cho học sinh đăng ký, lựa chọn môn học phù hợp với năng lực, sở trường và định hướng nghề nghiệp của học sinh; đảm bảo công khai, minh bạch.

### **1.2. Đối với các lớp thực hiện Chương trình GDPT 2006**

- Đối với các lớp thực hiện Chương trình GDPT 2006: Nhà trường thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.

1.3. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định.

Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông một cách hiệu quả, đúng quy định. Chú trọng phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường; hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống, tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

1.4. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018; duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

1.5. Do điều kiện về CSVC nhà trường còn hạn chế, trường có 21 phòng học với 31 lớp, diện tích trường nhỏ nên việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, thể chất, kỹ năng sống cho học sinh thực hiện không đồng bộ ở các khối lớp.

Nhà trường đã triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật (năm học này trường không có học sinh khuyết tật), học sinh khuyết tật nhẹ hòa nhập của trường đều tham gia học tập trực tiếp với học sinh trong lớp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các tổ, nhóm bộ môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại đơn vị.

Kết quả: Trường thực hiện đầy đủ chương trình năm học theo đúng thời gian

quy định.

## **2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học**

2.1. Giáo viên bộ môn của trường đã được lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đối với môn Lịch sử, tiếp tục tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn theo hướng dẫn.

2.2. BGH nhà trường phối hợp với Đoàn TN tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học.

2.3. Trường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường, cụ thể như sau:

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử theo quy định.
- Về quản lý, sử dụng Học bạ điện tử: thực hiện theo lộ trình và các nội dung theo hướng dẫn của Sở GDĐT, năm học 2023-2024 trường đã triển khai học bạ điện tử cho lớp 10, 11.
- Tăng cường các giải pháp nhằm đáp ứng tốt mức độ chuyển đổi số trong công tác quản trị nhà trường bằng các phần mềm chuyên dụng và tổ chức các hoạt động dạy-học theo quy định.

## **3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá**

- Nhà trường thực hiện đánh giá HS theo quy định, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá TX và đánh giá định kỳ.

- Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

Kết quả: trong năm học, tất cả các học sinh đều được kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định, đảm bảo điểm số của học sinh đầy đủ ở mỗi môn học.

#### **4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp**

- Nhà trường thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; tăng cường hoạt động tư vấn, hướng nghiệp tại đơn vị; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Trong tháng 10 nhà trường đã phối hợp với Báo giáo dục Việt Nam tổ chức tư vấn hướng nghiệp, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh THPT bằng hình thức trực tiếp với tổng số 390 học sinh tham gia.

- Trong tháng 12 nhà trường đã phối hợp với công ty gỗ Tân Thành (cách trường 2 km) cho 200 học sinh lớp 11 tham quan và tìm hiểu ngành nghề.

- Ngoài ra trường cũng đã cử 200 học sinh tham gia ngày hội hướng nghiệp do Báo Thanh niên tổ chức.

#### **5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi**

Nhà trường đã chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT, tổ chức lựa chọn HS tham gia cuộc thi KHKT cấp tỉnh, thi học sinh giỏi theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Kết quả:

- Học sinh của trường đạt giải nhất cuộc thi tìm hiểu Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá do tỉnh Đoàn phối hợp với Bộ Y tế tổ chức.

- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh:

Trường có 10 giải khuyến khích và 03 giải III.

- Thi Olympic KHXH, KHTN trường đạt giải nhì toàn đoàn

#### **6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi**

## **trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định**

### *a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh*

- Tổ chức tốt hoạt động "Tuần sinh hoạt tập thể" đầu năm học mới 2023-2024.
- Tổ chức hiệu quả, thiết thực ngày khai giảng năm học.
- Thực hiện phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng dẫn cách sử dụng, khai thác, ứng dụng CNTT trên Internet cho học sinh với những nội dung, hình thức phù hợp, hiệu quả.
- Tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh
- Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học.
- Xây dựng và thực hành quy tắc ứng xử văn hóa đối với cán bộ, nhà giáo và học sinh.
- Phối hợp với PHHS trong công tác giáo dục HS. Tăng cường công tác tuyên dương, vinh danh các tấm gương HS tiêu biểu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức, tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh, HS nghèo vượt khó.

- Tiết sinh hoạt dưới cờ hàng tuần nhà trường đều có tổ chức giáo dục học sinh về kỹ năng ứng xử, giao tiếp, học và làm theo Bác, an ninh mạng, các kiến thức vật lý, hóa học áp dụng vào đời sống hàng ngày do các tổ chuyên môn thực hiện bằng nhiều hình thức như đóng vai, đồ có thưởng, ...

- Nhà trường đã triển khai đến toàn trường tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học. Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội và phòng, chống tham nhũng; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

### *b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh*

- Nhà trường có khuôn viên cổng trường, biển trường, tường rào, hàng rào, sân vườn, cây xanh bảo đảm an toàn, vệ sinh phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện. Có sân chơi, khu để xe phù hợp. Có khối phòng học, phòng phục vụ học tập đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có bàn ghế phù hợp với người học.

- Bảo đảm an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai...

- Xây dựng, công khai và thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường .

- Thực hiện công tác y tế trường học, công tác tư vấn học đường, công tác trợ giúp người học.

- Cuối năm 2023, trường đạt chuẩn đơn vị văn hóa do Liên đoàn Lao động TP Tân Uyên xét duyệt.

### *c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định*

- Nhà trường thực hiện triển khai cụ thể và chi tiết đến mỗi CB-GV trong nhà trường thường xuyên thông qua các buổi họp hội đồng, họp chuyên môn và niêm yết tại trường các văn bản của các cấp ban hành quy định về dạy thêm học thêm.

- Nhà trường kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên qua các hình thức kiểm diện hàng ngày, dự giờ đột xuất, kiểm tra tài liệu giảng dạy và qua đánh giá chất lượng bộ môn. Giáo viên làm cam kết không tổ chức dạy thêm trong, ngoài nhà trường. Không có trường hợp nào vi phạm các qui định dạy thêm, học thêm

## **7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

- Thực hiện tốt quản lý, đánh giá đội ngũ GV, CBQL theo chuẩn nghề nghiệp GV và chuẩn hiệu trưởng.

- Rà soát cơ cấu đội ngũ theo môn học, hoạt động GD, xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng GV đảm bảo số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10, 11.

- Rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu GV theo chuẩn đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và triển khai thực hiện.

- Đưa GV, CBQL cốt cán của đơn vị bồi dưỡng các mô đun triển khai CT GDPT 2018 theo Quyết định triệu tập của Sở GDĐT.

- Tổ chức cho bồi dưỡng GV, CBQL đại trà theo kế hoạch của Sở GDĐT.

Hiện các GV, CBQL nhà trường đã hoàn thành các mô đun theo chương trình GDPT 2018. Về bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên do Sở GDĐT tổ chức, nhà trường đã cử 100% GV tham gia và vẫn tiếp tục thực hiện.

## **8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

- Trường đang tiếp tục rà soát, kiểm tra các điều kiện CSVC, thiết bị dạy học, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học và đáp ứng chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10, 11.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất; Cải tạo cảnh quan đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp, an toàn theo qui định; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh thực sự để thu hút học sinh đến trường.

- Hiện lãnh đạo nhà trường đang phối hợp với Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP Tân Uyên tham mưu lãnh đạo UBND TP xem xét lập dự án cải tạo,

nâng cấp các phòng làm việc, phòng học, dự kiến quý IV năm 2024 sẽ thực hiện.

- Kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm trong trường học để thực hiện phương án xử lý theo quy định.

### **9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục**

Nhà trường tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

#### **\* Các hoạt động đổi mới công tác quản lý giáo dục:**

- Hiệu trưởng nhà trường kết hợp hài hoà giữa 3 phương pháp quản lý: pháp chế, thi đua và kế hoạch, trong đó trọng tâm là kế hoạch, mọi nội dung công việc đều được lên kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện đơn vị.

- Hàng tuần BGH đều có hội ý để thống nhất những nội dung cần làm trong tuần, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ để có hướng chỉ đạo kịp thời.

- Phân cấp cụ thể đến các tổ chuyên môn theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý.

- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ trong năm học, nộp lên Ban giám hiệu phê duyệt, tổng hợp để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tăng cường hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách nhà trường; nâng cao chất lượng sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử để nâng cao hiệu quả công tác QLGD; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, HS, GV và các thông tin khác.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tiếp nhận mọi nguồn tài trợ hợp pháp để nâng cao chất lượng GD và phát triển nhà trường.

- Khuyến khích GV, CBQL viết và đưa tin bài về các kết quả hoạt động của nhà trường, ngành, gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến nhằm tạo sự lan toả trong cộng đồng.



## 10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Trong năm học vừa qua, nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục, trong đó tập trung các nội dung như: Truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2024 của đất nước, của địa phương. Kết quả thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

- Tiếp tục truyền thông kết quả nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo: Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; đổi mới nội dung, hình thức các cuộc thi, hội thi theo hướng tự nguyện, giảm áp lực, tăng cường tổ chức các sân chơi trí tuệ, các cuộc giao lưu giúp học sinh phát triển sở trường, năng lực cá nhân và tăng hứng thú học tập tạo động lực cho giáo viên nâng cao chất lượng chuyên môn; kết quả giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, ...

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thông tin về quá trình ban hành sách giáo khoa; lựa chọn sách và kết quả lựa chọn sách giáo khoa lớp 12. Công tác bồi dưỡng, tập huấn giáo viên, công tác chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 12 từ năm học 2024-2025.

- Tuyên truyền việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

- Tuyên truyền các hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Truyền thông về công tác xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục..

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; những mô hình tích cực triển khai thực hiện Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên; Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; tư vấn tâm lý học đường; xây dựng văn hóa học đường; bảo đảm an ninh và an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong trường học; an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường; phòng chống xâm hại trẻ em, tội phạm, tệ nạn xã hội./.

### **Nơi nhận:**

- Sở GDĐT (Phòng KHTC);
- Thanh tra Sở GDĐT;
- Hộp thư, Mail công vụ;
- Website trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Trọng Sang**